

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2017/HNGĐ- ST
Ngày 10- 8- 2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ- TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Huệ

Ông Nguyễn Văn Thực

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Mai Hương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Lân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09, 10 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 77/2017/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 38/2017/QĐXX-ST ngày 21 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Minh T, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm 5, Thôn Ng, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Phạm T, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: thôn C, xã Đoan Hùng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm V, sinh năm 1972 (có mặt)

2. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1972 (có mặt)

Cùng địa chỉ : thôn C, xã Đoan Hùng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Trần Thị Minh Thu trình bày:

Về hôn nhân: Chị với Anh Phạm T do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đoan Hùng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 9/2016 thì phát sinh mâu thuẫn do Anh Cường nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, vợ chồng có cãi chửi nhau và anh Cường có tát chị Thu bằng bàn tay phải. Tháng 11 năm 2016 chị sống ly thân với anh Cường tuy sống chung 01 nhà nhưng không có quan hệ tình cảm vợ chồng. Kể từ tháng 3 năm 2017 chị Thu đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại Thôn Ng, xã Đ. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Cường không còn nên chị xin ly hôn anh Cường

Về nuôi con chung: vợ chồng chị có 01 con chung là Phạm Phương Anh, sinh ngày 08/02/2014. Khi vợ chồng ly hôn chị Thu đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Cường góp cấp dưỡng nuôi con. Lý do chị không yêu cầu anh Cường góp cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Thu có thu nhập ổn định hàng tháng và đang làm việc tại Bệnh viện.

Về chia tài sản: không có;

Về nợ chung: Vợ chồng chị không vay, mượn tài sản của ai.

Tại bản khai và các biên bản lấy lời khai, bị đơn Anh Phạm T trình bày:

Về hôn nhân: Anh kết hôn với Chị Trần Thị Minh T do tự nguyện tìm hiểu đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đoan Hùng vào tháng 01/2014. Nhưng trái với lời khai của chị Thu thì: Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống hòa thuận, hạnh phúc; không hề phát sinh mâu thuẫn; không hề sống ly thân. Anh không nhất trí ly hôn với chị Thu. Anh Cường chỉ nhất trí giải quyết ly hôn khi chị Thu trả nợ tiền của bố mẹ anh đã vay chung cho hai vợ chồng.

Về nuôi con chung: vợ chồng anh có 01 con chung là Phạm Phương Anh, sinh ngày 08/02/2014. Nếu chị Thu kiên quyết ly hôn anh Cường đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị Thu góp cấp dưỡng nuôi con chung. Lý do anh Cường mong muốn trực tiếp nuôi con vì hiện nay anh làm sửa chữa điện thoại di động và bán điện thoại di động tại nhà có thu nhập, có thời gian chăm sóc con chung.

Về chia tài sản: không có;

Về nợ chung: Số tiền 150.000.000đồng (Một trăm lăm mươi triệu đồng), bố đẻ là ông Phạm V và mẹ là bà Bùi Thị H vay của ông Nguyễn Văn Tuệ, sinh năm 1966 trú tại đội 7, thôn Tiên La, xã Đoan Hùng. Sau đó, ông Lũy và bà Hè đưa cho vợ chồng anh vay. Số tiền này chi phí vào việc chị Thu học tại Thái Bình và

học ở tỉnh Hưng Yên và sinh con chung Phạm Phương Anh tiền thuê người trông con khi chị Thu đi học. Số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng), bố anh ông Phạm V và mẹ anh bà Bùi Thị H vay của ông Bùi Đức Lĩnh, sinh năm 1978 trú tại Khu Nhân Cầu I, thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Mục đích là để chị Thu đi xin việc. Hai khoản vay nợ này đều không có giấy tờ, tài liệu. Mục đích vay tiền để phục vụ cho việc học hành và xin việc của chị Thu cho nên chị Thu phải có trách nhiệm trả. Nếu chị Thu trả bố mẹ anh 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) thì anh có trách nhiệm trả bố mẹ anh 100.000.000đồng và đồng ý giải quyết ly hôn. Nếu chị Thu không trả 100.000.000 đồng này thì anh không đồng ý ly hôn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ông Phạm V và bà Bùi Thị H đều trình bày:

Vợ, chồng chúng tôi có vay của ông Nguyễn Văn Tuệ, sinh năm 1964. Trú tại đội 7, thôn Tiên La, xã Đoan Hùng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình số tiền 150.000.000đồng (Một trăm lăm mươi triệu đồng) để cho vợ, chồng anh Cường, chị Thu chi phí trong thời gian học tập tại Trường Cao đẳng Y Thái Bình và Trường Điều dưỡng Hưng Yên chi phí sinh đẻ, thuê người giúp việc “ bé, trông nom” cháu Phạm Phương Anh. Vay của ông Bùi Đức Lĩnh, sinh năm 1978. Trú tại: tại Khu Nhân Cầu I, thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng), mục đích vay tiền để cho chị Thu để xin việc. Quan điểm của chúng tôi mong muốn anh Cường, chị Thu đoàn tụ gia đình. Nếu chị Thu và anh Cường ly hôn chúng tôi yêu cầu chị Thu và anh Cường phải trả lại chúng tôi số tiền nêu trên 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng). Kỷ phần của anh Cường có trách nhiệm trả chúng tôi 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng). Kỷ phần của chị Thu trả chúng tôi 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng). Chúng tôi không yêu cầu chị Thu, anh Cường phải trả lãi suất và nợ quá hạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung: chị Thu và anh Cường có 01 con chung là Phạm Phương Anh, sinh ngày 08/02/2014. Khi vợ chồng ly hôn cần giao cho chị Thu được trực tiếp nuôi con chung và anh Cường không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về chia tài sản: không có. Về nợ chung không chấp nhận yêu cầu của anh Cường vì không có tài liệu, căn cứ chứng minh số nợ 200.000.000đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm V và bà Bùi Thị H vì không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí cho nên không chấp nhận để giải quyết trong cùng vụ án. Ông Lũy, bà Hè có quyền khởi kiện vụ án này theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà nhận định:

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của Chị Trần Thị Minh T và Anh Phạm T là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Cường có nghi ngờ chị Thu có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Chị Thu và anh Cường đã xảy ra xô xát. Mâu thuẫn vợ chồng càng căng thẳng khi chị Thu ở cùng với anh Cường mà không còn tình cảm, không yêu thương. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ tháng 11 năm 2016, hai bên đã sống trong cùng nhà nhưng không có tình cảm vợ chồng, kể từ tháng 3 năm 2017 chị Thu đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Trong quá trình sống ly thân anh Cường không liên lạc với chị Thu, không xuống tìm chị Thu và con gái về để đoàn tụ gia đình. Nay chị Thu xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh Cường. Do đó, có căn cứ cho chị Thu ly hôn anh Cường theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con chung*: Chị Trần Thị Minh T và Anh Phạm T có 01 con chung Phạm Phương Anh, sinh ngày 08/02/2014. Khi vợ chồng ly hôn cần giao cho chị Thu trực tiếp nuôi con chung vì chị Thu có công việc và thu nhập ổn định, hiện nay cháu Phương Anh đang sống ổn định về mặt tâm sinh lý với chị Thu và chấp nhận sự tự nguyện của chị Thu không yêu cầu anh Cường phải góp cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Cường không góp cấp dưỡng nuôi con chung nhưng vẫn có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở, ngăn cấm.

[5] *Về chia tài sản*: không có;

[6] *Về nợ chung*: Anh Cường trình bày vợ chồng có nợ chung là 200.000.000đồng (bao gồm Số tiền 150.000.000đ vay của ông Nguyễn Văn Tuệ, sinh năm 1964 trú tại đội 7, thôn Tiên La, xã Đoan Hùng. Sau đó, ông Lũy và bà Hè đưa cho vợ chồng anh vay. Số tiền 50.000.000 đồng ông Phạm V và bà Bùi Thị H vay của ông Bùi Đức Lĩnh trú tại Khu Nhân Cầu I, thị trấn Hưng Hà đưa cho chị Thu vay). Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Cường không đưa ra được chứng cứ, tài liệu chứng minh về số tiền vay chung của vợ chồng 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) nên không chấp nhận để giải quyết trong vụ án.

[7] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Phạm V và bà Bùi Thị H trình bày: Số tiền 150.000.000đồng (Một trăm lăm mươi triệu đồng) vay của ông Nguyễn Văn Tuệ, sinh năm 1964. Trú tại đội 7, thôn Tiên La, xã Đoan Hùng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Ông Lũy và bà Hè đưa cho vợ chồng anh Cường, chị Thu vay để phục vụ việc sinh đẻ và học tập của chị Thu tại Thái Bình và Hưng Yên. Số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) ông Phạm V và bà Bùi Thị H vay của ông Bùi Đức Lĩnh, sinh năm 1978. Trú tại Khu Nhân Cầu

I, thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đưa cho chị Thu vay để xin việc vào Bệnh viện Đa khoa. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ dân sự với hình thức vay tài sản bằng tiền tổng cộng là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) giữa ông Lũy, bà Hè với anh Cường, chị Thu. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tiến hành lấy lời khai của ông Lũy, bà Hè và yêu cầu ông Lũy, bà Hè làm đơn yêu cầu độc lập. Ông Lũy, bà Hè không làm đơn yêu cầu độc lập mà chỉ làm bản tường trình, đơn yêu cầu giải quyết ly hôn. Thẩm phán đã thông báo cho ông Lũy, bà Hè nộp tiền tạm ứng án phí số 77/TB-TA, ngày 16/5/2017 nhưng ông Lũy, bà Hè không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí. Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận yêu cầu của ông Lũy, bà Hè là đúng quy định tại khoản 2 Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Phạm V và bà Bùi Thị H có quyền khởi kiện vụ án khác.

[8] *Về án phí*: Chị Trần Thị Minh T phải chịu án phí 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 2, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, điểm đ Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa Chị Trần Thị Minh T ly hôn Anh Phạm T.

2. *Về nuôi con chung*: Chị Trần Thị Minh T và anh Cường có 01 con chung là Phạm Phương Anh sinh ngày 08-02-2016. Giao con chung là Phạm Phương Anh sinh ngày 08-02-2016 cho chị Thu trực tiếp nuôi con chung, anh Cường không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Phạm T quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản*: không có;

Về nợ chung: không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm V và bà Bùi Thị H để giải quyết trong cùng vụ án này. Ông Phạm V và bà Bùi Thị H có quyền khởi kiện vụ án.

4. *Về án phí*: Chị Trần Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Thu đã nộp theo Biên lai số 0004720 ngày 04-4-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà.

Chị Trần Thị Minh Thu, Anh Phạm T, ông Phạm V, bà Bùi Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10 tháng 8 năm 2017).

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã Đoàn Hùng;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Huy Hoàng